

III - GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

A - ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA NƯỚC

VỊ TRÍ	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M ²)
I	Vùng trung du	
1	Thị trấn Cái Rồng	48,000
2	Xã Hạ Long	44,000
II	Vùng miền núi	
1	Xã Đông Xá	44,000
2	Các xã: Đài Xuyên, Bình Dân, Đoàn Kết, Vạn Yên	42,000
3	Các xã: Minh Châu, Bản Sen, Quan Lạn, Thắng Lợi, Ngọc Vũng	40,000

B - ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM CÒN LẠI (gồm đất trồng lúa nước còn lại, đất trồng lúa nương, đất trồng cây hàng năm

VỊ TRÍ	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M ²)
I	Vùng trung du	
1	Thị trấn Cái Rồng	46,000
2	Xã Hạ Long	42,000
II	Vùng miền núi	
1	Xã Đông Xá	42,000

2	Các xã: Đài Xuyên, Bình Dân, Đoàn Kết, Vạn Yên	40,000
3	Các xã: Minh Châu, Bản Sen, Quan Lạn, Thắng Lợi, Ngọc Vũng	36,000

C - ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

Đất trồng cây lâu năm

VỊ TRÍ	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M ²)
I	Vùng trung du	
1	Thị trấn Cái Rồng	39,000
2	Xã Hạ Long	35,000
II	Vùng miền núi	
1	Xã Đông Xá	35,000
2	Các xã: Đài Xuyên, Bình Dân, Đoàn Kết, Vạn Yên	34,000
3	Các xã: Minh Châu, Bản Sen, Quan Lạn, Thắng Lợi, Ngọc Vũng	32,000

D - ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

Đất rừng Sản xuất

VỊ TRÍ	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M ²)
I	Vùng trung du	
1	Có điều kiện thuận lợi: Gần các trục đường, khu dân	4,000
2	Có điều kiện không thuận lợi: ĐI lại khó khăn, xa khu dân cư	3,000
II	Vùng miền núi	

1	Có điều kiện thuận lợi: Gần các trục đường, khu dân cư	3,000
2	Có điều kiện không thuận lợi: ĐI lại khó khăn, xa khu dân cư	2,700

E - ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Đất nuôi trồng thủy sản

- 1 **Đất bãi triều : 2.000 Đ/M2**
- 2 **Đầm ven biển: 6.000 Đ/M2**
- 3 **Hồ, đầm nội địa**

VỊ TRÍ	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M2)
I	Vùng trung du	
	Thị trấn Cái Rồng	30,000
	Xã Hạ Long	29,000
II	Vùng miền núi	
	Xã Đông Xá	29,000
	Các xã: Đài Xuyên, Bình Dân, Đoàn Kết, Vạn Yên	28,000
	Các xã: Minh Châu, Bản Sen, Quan Lạn, Thắng Lợi, Ngọc Vũng	27,000